TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo.

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Lê Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kiều V, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang nay là xã V, tỉnh An Giang); địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Trần Thái T, tổ 6, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Ông Nguyễn Hữu Ki, Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Thanh Hải thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Võ Hoàng G, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang); địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Nguyễn Văn C, tổ 2, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Nhật K, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 6, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V trình bày:

Bà V và ông Võ Hoàng G có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm. Bà V và ông G được cha mẹ hai bên chấp thuận tiến đến cuộc sống hôn nhân và tổ chức đám cưới vào năm 2005. Bà V và ông G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (nay là xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang) và được Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 079 ngày 10/10/2005.

Đến năm 2009, bà V và ông G phát sinh mâu thuẫn lớn, thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau. Nguyên nhân chính là do những quan điểm trái chiều, bất đồng ý kiến với nhau trong sinh hoạt, làm việc hằng ngày, ai cũng cho mình là đúng, người kia sai nên không có sự tôn trọng lẫn nhau. Do đó, bà V và ông G đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2009.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà V và ông G có 02 con chung là Võ Lê Ngọc N, sinh ngày 25/6/2005 và cháu Võ Lê Hoàng S, sinh ngày 19/01/2008.

Ngoài ra, bà V có 02 người con riêng (chưa đăng ký khai sinh), tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2. Đây là con riêng của bà V và ông Trần Nhật K theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND tại Trung tâm Công nghệ di truyền Việt Nam ngày 22/5/2024.

Hiện nay, bà V mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân đối với ông Võ Hoàng G. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với các yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V và ông Võ Hoàng G được ly hôn;

- Về con chung: Bà V và ông Võ Hoàng G có 02 con chung là Võ Lê Ngọc N, sinh ngày 25/6/2005 và Võ Lê Hoàng S, sinh ngày 19/01/2008. Đối với Võ Lê Ngọc N đã thành niên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu Tòa án giao con chung Võ Lê Hoàng S, sinh ngày 19/01/2008 cho ông Võ Hoàng G được trực tiếp nuôi dưỡng và bà V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về con riêng: Yêu cầu Toà án xác định 02 trẻ (tên giả định) là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 và Trần Nhật Thái K11, sinh ngày 02/4/2023 là con riêng của bà V.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà V đồng ý với Kết luận giám định số 361/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Hoàng G trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 15/3/2025 như sau:

Ông G và bà Lê Thị Kiều V là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 079 do UBND xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (nay là xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang) cấp ngày 10/10/2025. Trong thời kỳ hôn nhân, ông G và bà V có 02 con chung là Võ Lê Ngọc N, sinh ngày 25/6/2005 và Võ Lê Hoàng S, sinh ngày 19/01/2008. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vào khoảng năm 2008-2009 vợ chồng ông đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông và bà Lê Thị Kiều V chưa làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Ông G xác định 02 trẻ sơ sinh (chưa đăng ký khai sinh), tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K11, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2 không phải là con chung của ông G và bà Lê Thị Kiều V trong thời kỳ hôn nhân.

Do đó, ông G đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V; đồng ý nuôi con chung Võ Lê Hoàng S và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng. Đồng thời, ông G cũng đồng ý với kết quả giám định của cơ quan chuyên môn và không có yêu cầu phản tố. Ông G đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật và giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tại đơn yêu cầu độc lập và trong quá trinh giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nhật K trình bày ý kiến:

Vào khoảng năm 2014 - 2015, ông K có quan hệ tình cảm với bà Lê Thị Kiều V. Tại thời điểm đó, ông Khánh không biết bà V đã kết hôn với ai hay chưa.

Trong quá trình chung sống, ông Khánh và bà Lê Thị Kiều V sinh được 02 người con (chưa đăng ký khai sinh), tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K11, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2 là con chung của ông K và bà Lê Thị Kiều V.

Ông Khánh được biết 02 trẻ trên sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V và bị đơn Võ Hoàng G. Vì vậy, ông Khánh có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết: Yêu cầu Tòa án xác định ông Trần Nhật K là cha của 02 trẻ (chưa đăng ký khai sinh), tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K11, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2.

Ông Khánh đồng ý với Kết luận giám định số 361/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Khôi có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Hoàng G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (nay là xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang) và đã được UBND xã Lương An Trà cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 079 ngày 10/10/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Hoàng G đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà V và ông G đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Về phía bị đơn ông Võ Hoàng G, ông G cũng đã thừa nhận việc nguyên đơn, bị đơn đã ly thân từ giai đoạn 2008-2009 đến nay. Ông G không có thiện chí trong việc hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Đồng thời, bị đơn cũng mong muốn chấm dứt cuộc sống hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kiều V đối với ông Võ Hoàng G là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận, quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Võ Lê Ngọc N, sinh ngày 25/6/2005 và cháu Võ Lê Hoàng S, sinh ngày 19/01/2008. Hiện nay, Võ Lê Ngọc N đã thành niên, đề nghị Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết còn cháu Võ Lê Hoàng S đang sống ổn định với ông Võ Hoàng G nên việc ông Võ Hoàng G tiếp tục thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Võ Lê Hoàng S là phù hợp. Đảm bảo tính ổn định cho sự phát triển của trẻ chưa thành niên. Bị đơn cũng đồng ý với nội dung này và không có đương sự yêu cầu nguyên đơn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị tòa không xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên.

Về con riêng: Tại bản tự khai bị đơn Võ Hoàng G xác định 02 trẻ sơ sinh (chưa đăng ký khai sinh), dự định đặt tên là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện đa khoa Vạn Phúc 2 không phải là con chung của ông G và bà Lê Thị Kiều V trong thời kỳ hôn nhân. Lời khai này của bị đơn là phù hợp với Kết luận giám định số 361/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định 02 trẻ tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 là con riêng bà Lê Thị Kiều V là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nhật K về việc xác định ông Trần Nhật K là cha của 02 trẻ (chưa đăng ký khai

sinh), tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2, đề nghị Tòa án căn cứ kết quả tại Kết luận giám định số 361/KL- KTHS ngày 23/7/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Nhật K.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đơn yêu cầu độc lập của ông Trần Nhật K.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V và đơn yêu cầu độc lập của ông Trần Nhật K, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Kiều V được ly hôn với ông Võ Hoàng G.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho ông Võ Hoàng G trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Võ Lê Hoàng S đến lúc con chung trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông G không yêu cầu ông bà V cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về con riêng: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V yêu cầu xác định 02 trẻ (chưa đăng ký khai sinh), tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 18/9/2020 và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2 là con riêng của bà; đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nhật K có yêu cầu độc lập yêu cầu xác định ông là cha của 02 trẻ nêu trên. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Kết luận giám định số 361/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông Trần Nhật K.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại nhà trọ Nguyễn Văn Cu, tổ 2, khu phố Khánh Hội, phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh) và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) giải quyết. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nhật K có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu xác định cho con. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu xác định cha cho con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V, bị đơn ông Võ Hoàng G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nhật K, người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Khôi có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông G tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 079 do Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (nay là xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang) cấp ngày 10/10/2025. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà V yêu cầu ly hôn với ông G do vợ chồng mâu thuẫn với nhau, bất đồng quan điểm. Bà V và ông G đều xác định quá trình chung sống, giữa bà V và ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Bà V và ông G thừa nhận việc hai vợ chồng đã ly thân từ khoảng năm 2008-2009 đến nay và cả hai đều đồng ý ly hôn nên yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông G có 02 con chung là Võ Lê Ngọc N, sinh ngày 25/6/2005 và cháu Võ Lê Hoàng S, sinh ngày 19/01/2008. Đối với cháu Võ Lê Ngọc N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay, cháu Võ Lê Hoàng S đang sống ổn định với ông Võ Hoàng G. Bà V và ông G đều thống nhất giao cháu Võ Lê Hoàng S cho ông Võ Hoàng G trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông G có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con và cháu Sang cũng có nguyện vọng được sống với cha nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Sang cho ông G nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông G đồng ý nuôi con chung là Võ Lê Hoàng S và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về con riêng: Hai trẻ sơ sinh (chưa đăng ký khai sinh), tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện đa khoa Vạn Phúc 2 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Hoàng G. Tuy nhiên, bà Lê Thị Kiều V và ông Võ

Hoàng G đều xác định hai trẻ nêu trên không phải là con chung của bà V và ông G được sinh ra trong thời gian ông bà không chung sống cùng nhau. Đồng thời, căn cứ vào Kết luận giám định số 361/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông Trần Nhật K và cháu Trần Nhật Thái K1, cháu Trần Ngọc Anh T có quan hệ huyết thống cha – con. Do đó, đủ cơ sở xác định ông Võ Hoàng G không phải là cha ruột của cháu Trần Nhật Thái K1 và cháu Trần Ngọc Anh T, hai cháu là không phải là con chung của bà V và ông G mà là con riêng của bà V.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về đơn yêu cầu độc lập của ông Trần Nhật K: Xét thấy, theo Kết luận giám định số 361/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông Trần Nhật K và cháu Trần Nhật Thái K1, cháu Trần Ngọc Anh T có quan hệ huyết thống cha – con. Bà V, ông G đều xác định hai cháu Trần Nhật Thái K1 và Trần Ngọc Anh T không phải con chung của bà V và ông G trong thời kỳ hôn nhân. Bà V xác định đây là con chung của bà và ông Khánh. Do đó, yêu cầu xác định ông Khánh là cha hai cháu Trần Nhật Thái K1 và Trần Ngọc Anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 88, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: Ông Trần Nhật K tự nguyện chịu số tiền 18.500.000 đồng và đã thực hiện xong.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn ông Võ Hoàng G.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Kiều V được ly hôn với ông Võ Hoàng G.

- *Về con trong thời kỳ hôn nhân:* Giao con chung tên Võ Lê Hoàng S, sinh ngày 19/01/2008 cho ông Võ Hoàng G được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Kiều V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Hoàng G đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Hai cháu tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2 không phải là con chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Hoàng G mà là con riêng của bà V. Giao 02 cháu Trần Ngọc Anh T và Trần Nhật Thái K1 cho bà Lê Thị Kiều V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Võ Hoàng G không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

2. Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của ông Trần Nhật K về việc xác định cha cho con.

Xác định ông Trần Nhật K, sinh năm 1986 là cha ruột của 02 cháu tên giả định là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 7400120106758, quyển số 2020 ngày 18/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và Trần Nhật Thái K1, sinh ngày 02/4/2023 theo Giấy chứng sinh số 46, quyển số 05 ngày 05/4/2023 của Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2.

3. Về chi phí giám định: Ông Trần Nhật K tự nguyện chịu số tiền 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) và đã thực hiện xong.

4. Về án phí:

4.1 Bà Lê Thị Kiều V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004966 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4.2 Ông Trần Nhật K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005084 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương